

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày: 08-4-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Khanh**, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: ấp An Khương, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ông **Trần Xương**, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: ấp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Cúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà **Quách Thị Đào** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS, ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HSST-QĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Võ Văn S** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1970. Nơi sinh: xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nơi ĐKKHKT: ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Võ Văn Ở**, sinh năm 1934, ngụ Khu vực N, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang và bà **Trần Thị B**, sinh năm 1940 (chết). Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Anh chị em ruột gồm có 08 người, lớn nhất sinh năm 1958, nhỏ nhất sinh năm 1976.

Bị cáo Võ Văn S bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 21/10/2020 đến ngày 24/10/2020 chuyển tạm giam đến nay (Bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

+ Bà Hồ Thị Yến L: sinh năm 1983. Người đại diện hợp pháp của bị hại L: ông Hồ Văn V, sinh năm 1961 và bà Đặng Ngọc X, sinh năm 1960 (bà X chết năm 1987). Trú tại: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (ông V có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại Hồ Thị Yến L: Bà Lương Thị Ngọc Hân - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người phiên dịch: bà Nguyễn Thị Thu Vân - giáo viên Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Bà Dương Thị P, sinh năm 1951.

Trú tại: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956.

Trú tại: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Những người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bà Châu Thị A, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Ông Hồ Văn Mười M, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Ông Hồ Văn M, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Ông Hồ Văn Tuấn C, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, Võ Văn S, sinh năm 1970, đăng ký thường trú ấp M, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đến nhà vợ chồng của Lê Văn T và Võ Thị X (X là em ruột của S) tại ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng ở và làm thuê sinh sống. Khi sinh sống tại ấp B, xã B, S đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội. Với các hành vi cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Trong thời gian đến ấp B, xã B sinh sống, S có quen biết và thường xuyên đến nhà của Hồ Văn V ngụ ấp B, xã B để uống rượu. Cho nên từ tháng 11/2019 đến tháng 05/2020, S đã thực hiện hành vi giao cấu với Hồ Thị Yên L, sinh năm 1983 (là con ông V, L bị khuyết tật nặng về vận động, trí tuệ) làm cho L có thai, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* S không nhớ chính xác vào ngày nào trong tháng 11 năm 2019, S đi đám giỗ nhà của ông Trần Văn L, ngụ ấp B, xã B cùng với ông V. Sau khi uống rượu đến khoảng 21 giờ thì S nảy sinh ý định giao cấu với L nên S đi về nhà ông V trước. Khi về đến nhà ông V, S đi vào nhà của ông V và đi vào trong buồng thấy L nằm trên giường ngủ. S dùng tay kéo mùng lên rồi chui vào giường của L, S dùng hai tay nắm lấy quần của L kéo xuống tới đầu gối, L la lên “ú ớ” thì S nói với L “Nếu la lên và nói với ông V thì S sẽ bóp cổ L chết” nên L không la nữa, rồi S kéo ống quần bên phải của L ra khỏi chân phải của L (phần quần bên chân trái của L còn dính lại), L không có mặc quần lót. Lúc này, S tự cởi quần của mình ra và dùng tay trái sờ vào âm hộ của L, S quỳ gối vào giữa hai chân của L để thực hiện hành vi giao cấu với L khoảng 10 phút. Sau khi thực hiện hành vi giao cấu với L xong, S tự mặc quần của mình lại và mặc quần lại cho L rồi S đi về.

- *Lần thứ hai:* S không nhớ chính xác vào ngày nào trong tháng 12 năm 2019, S đi đám giỗ nhà của ông Hồ Văn Mười M, ngụ ấp B, xã B cùng với ông V. Sau khi uống rượu đến khoảng 21 giờ thì S nảy sinh ý định đi về nhà ông V để giao cấu với L nên S đi về trước. Khi về đến nhà ông V, S đi vào nhà của ông V và đi vào trong buồng chỗ L ngủ thực hiện hành vi giao cấu với L giống như lần thứ nhất.

- *Lần thứ ba:* S không nhớ rõ vào ngày nào, cách lần thứ hai khoảng 15 ngày, S đi hái vú sữa tại nhà của ông Hồ Văn Mười M, ngụ ấp B, xã B. Sau khi hái vú sữa xong thì tổ chức uống rượu cùng với ông V tại nhà ông M, đến khoảng 21 giờ thì S đi về. Khi về đến nhà ông V thì S đi vào buồng chỗ L ngủ thực hiện hành vi giao cấu với L giống như lần thứ nhất.

- *Lần thứ tư:* S không nhớ rõ vào ngày nào trong tháng 4 năm 2020, S đi đám tang của ông Lê Văn D ngụ ấp B, xã B. Sau khi uống rượu cùng với ông V, đến khoảng 22 giờ thì S đi đến nhà ông V và vào buồng chỗ L ngủ thực hiện hành vi giao cấu với L giống như lần thứ nhất.

- *Lần thứ năm:* S không nhớ rõ vào ngày nào trong tháng 5 năm 2020, S đi đám tang của ông Nguyễn Văn C ngụ ấp B, xã B. Sau khi uống rượu chung cùng với

ông V, đến khoảng 03 giờ thì S đi đến nhà ông Vũ và vào buồng chỗ L ngủ thực hiện hành vi giao cấu với L giống như lần thứ nhất.

Đến ngày 16/6/2020, gia đình nghi ngờ L có thai nên đưa L đi bác sỹ khám thì phát hiện L đã có thai 20,4 tuần, gia đình hỏi L có thai với ai, L nói là với S nên ông Vũ đến Công an xã B trình báo vụ việc.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 14 giờ ngày 28/07/2020, Võ Văn S uống rượu cùng với ông Hồ Văn V và ông Hồ Văn Mười M tại nhà của ông V ngụ ấp b, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày uống hết rượu nên S đi đến quán của bà Dương Thị P ngụ cùng ấp để mua rượu và thuốc hút. Trong lúc bà P lấy rượu và thuốc hút để bán cho S, thì S nhìn thấy bọc quai sách màu trắng bên trong có đựng 105 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel chưa qua sử dụng (trong đó có 75 thẻ cào mệnh giá mỗi thẻ là 20.000 đồng và 30 thẻ cào mệnh giá mỗi thẻ là 50.000 đồng), tổng giá trị là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) để phía trên cây giấy vệ sinh bên vách của quán nên S nảy sinh ý định lấy trộm bọc thẻ cào điện thoại của bà Phấn. S lén lút dùng tay trái lấy bọc thẻ cào điện thoại bỏ vào túi quần tây bên trái. Sau đó, bà P đem rượu và thuốc hút ra bán cho S, rồi S đi về nhà của ông V để tiếp tục uống rượu. Trong lúc uống rượu S cho ông M 41 thẻ cào điện thoại và ông V 28 thẻ cào điện thoại. Khi uống rượu xong, trên đường về S bán cho bà Nguyễn Thị N ngụ ấp B, xã B 16 thẻ cào mệnh giá mỗi thẻ là 20.000 đồng, S mượn bà Nguyễn Thị Nga nạp dùm vào trong điện thoại của S 02 thẻ cào mệnh giá mỗi thẻ là 20.000 đồng, số thẻ cào điện thoại còn lại S đem về cất giấu tại nhà của anh Lê Văn T. Sau khi bị mất tài sản bà Dương Thị P đã đến Công an xã B trình báo. Đến ngày 21/10/2020, S bị lực lượng Công an bắt theo Quyết định truy nã. Trong quá trình điều tra Võ Văn S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 218 ngày 15/7/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng kết luận đối với Hồ Thị Yến L: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do bị xâm hại tình dục là 00% (*không phần trăm*). Bộ phận sinh dục: Màng trinh dẫn rộng, có vết rách cũ vị trí 3 giờ - 9 giờ; âm đạo dẫn rộng, không se xơ. Siêu âm: một thai sống trong tử cung khoảng 23 tuần 06 ngày.

Ngày 30/9/2020, Hồ Thị Yến L sinh (sinh mổ), bé gái tại Khoa sản Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. Tại Bản kết luận giám định số: 5569/C09B ngày 06/11/2020 của Phân viện khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Võ Văn S và Hồ Thị Yến L với cháu bé do Hồ Thị Yến L, sinh ngày 30/9/2020 tại Khoa sản Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ có mối quan hệ huyết thống cha - mẹ - con.

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Võ Văn S về tội Trộm cắp tài sản và Hiếp dâm. Sau đó nhập vụ án thành vụ: Hiếp dâm và Trộm cắp tài sản; áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 21/10/2020 đến ngày 24/10/2020 chuyển tạm giam cho đến nay.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-H.KS, ngày 11/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng để xét xử bị cáo Võ Văn S về tội “Hiếp dâm” theo điểm d, điểm g khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như cáo trạng đã truy tố bị cáo về hai tội danh trên.

Người đại diện hợp pháp của bị hại L là ông V không yêu cầu bị cáo S bồi thường phần chi phí sinh con, tổn thất tinh thần và cấp dưỡng như quá trình điều tra ông đã yêu cầu là 111.000.000đồng mà để gia đình ông và bị cáo S tự thương lượng. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại P không yêu cầu bị cáo S bồi thường phần 06 thẻ cào điện thoại, mỗi thẻ 20.000đồng thành tiền là 120.000 đồng, Về trách nhiệm hình sự yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo bồi thường phần 16 thẻ cào điện thoại, mỗi thẻ 20.000đồng thành tiền là 320.000 đồng do gia đình bị cáo đã thương lượng xong với bà N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng. Sau khi luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố bị cáo phạm tội Hiếp dâm và tội Trộm cắp tài sản.

- Về hình phạt chính:

+ Đối với tội Hiếp dâm: Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 141, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án: từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

+ Đối với tội Trộm cắp tài sản: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án: từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt. Xử phạt bị cáo mức án: Từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Về vật chứng:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) thẻ cào điện thoại loại Viettel mệnh giá mỗi thẻ là 50.000đồng, đã qua sử dụng, đã được niêm phong.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Võ Văn S: Số tiền 140.000đồng (*Một trăm bốn mươi nghìn đồng*) thu giữ trên người Võ Văn S và 01 (Một) điện thoại di động hiệu FPT màu đen; đã qua sử dụng; đã được niêm phong.

- Về phần dân sự:

Các bị hại, người đại diện cho bị hại L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật về án phí và lệ phí.

Tại phiên tòa, vị Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị hại L thống nhất với Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội hiếp dâm, thống nhất với những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị kết tội bị cáo của Đại diện Viện kiểm.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại L và người đại diện là ông V không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không có ý kiến thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những người tham gia tố tụng là bị hại Hồ Thị Yến L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị N; Người làm chứng bà Châu Thị A, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, ông Hồ Văn M, ông Hồ Văn Tuấn C và bà Nguyễn Thị N; Người phiên dịch bà Nguyễn Thị Thu Vân. Sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo, bị hại Phần, đại diện bị hại L, Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị hại L đều không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi Hội đồng xét xử tiến hành hội ý tại chỗ căn cứ vào các Điều 292, 293, 295 và điểm d khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Võ Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo về hai tội danh trên. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ như kết luận giám định pháp y về tình dục, kết luận giám định ADN, các biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: từ tháng 11/2019 đến tháng 05/2020, bị cáo S đã nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại L (bị hại L bị khuyết tật nặng về vận động, trí tuệ) làm cho bị hại L có thai, sinh con. Mặc dù bị cáo thừa nhận là 05 lần, bị hại khai là 03 lần. Tuy nhiên dù 03 lần hay 05 lần cũng thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và đã làm nạn nhân có thai và đã phạm vào tội “Hiếp dâm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, điểm g khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của mỗi người, lợi dụng bị hại là người khuyết tật nặng về vận động, trí tuệ, không tự vệ được để thực hiện hành vi phạm tội làm ảnh hưởng đến sức khỏe bị hại, trong khi bị hại là người khuyết tật nặng là một trong những đối tượng dễ bị xâm phạm nhất. Hiện nay Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi mọi mặt và sự phát triển bình thường của người khuyết tật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ thân thể, danh dự, nhân phẩm, tâm sinh lý của người khác được pháp luật bảo vệ, không ai được phép xâm phạm nhưng vì ham muốn tầm thường, thỏa mãn dục vọng của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại L làm nạn nhân có thai là trái đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam. Ngoài ra còn thể hiện ý thức xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Ngoài ra: Vào khoảng 14 giờ ngày 28/7/2020, Võ Văn S đã có hành vi trộm cắp của bị hại Dương Thị P 105 thẻ cào điện thoại của nhà mạng Viettel (chưa qua sử dụng, trong đó có 75 thẻ cào mệnh giá mỗi thẻ là 20.000 đồng và 30 thẻ cào mệnh giá mỗi thẻ là 50.000 đồng), tổng giá trị là 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*).

Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác 105 thẻ cào có tổng giá trị là 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) mà bị cáo S thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một hình phạt tù nghiêm, tương xứng với các hành vi phạm tội, để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội sau này và đồng thời cũng răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng: không.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại L gồm: 01 đôi bông tai vàng 18k, trọng lượng 0,5 chỉ và số tiền 2.500.000đồng, đối với bà Phấn cũng đã nhận lại được tài sản, các bị hại và người đại diện không có yêu cầu bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không biết chữ, có cha tên Võ Văn Ổ là người được hưởng chính sách như thương binh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS, cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo trong lúc lượng hình, để bị cáo và mọi người thấy được tính nhân đạo của pháp luật.

[8] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị hại L thống nhất với Cáo trạng, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d, g khoản 2 Điều 141, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Văn S phạm tội “Hiếp dâm”. Xử phạt bị cáo Võ Văn S 07 (bảy) năm tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Võ Văn S 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 21/10/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt của 02 tội, bị cáo Võ Văn S phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 21/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại và người đại diện, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) thẻ cào điện thoại loại Viettel mệnh giá mỗi thẻ là 50.000đồng, đã qua sử dụng, đã được niêm phong.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Võ Văn S: Số tiền 140.000đồng (*Một trăm bốn mươi nghìn đồng*) thu giữ trên người Võ Văn S và 01 (Một) điện thoại di động hiệu FPT màu đen; đã qua sử dụng; đã được niêm phong.

4. Về án phí: Bị cáo Võ Văn S là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, bị hại P, Người đại diện hợp pháp của bị hại L, Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại Hồ Thị Yến L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày giao nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (PKTNV-THA);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Kế Sách;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã L, huyện M;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại L;
- Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại L;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình